ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 686/QĐ-UBND	*Quảng Nam, ngày 27 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh trong ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Cao đẳng Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 51/TTr-LĐTBXH ngày 22/3/2024 và Trường Cao đẳng Quảng Nam tại Tờ trình số 33/TTr-CĐQN ngày 12/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh trong ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Cao đẳng Quảng Nam *(chi tiết theo phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh đào tạo là học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú tại Quảng Nam và đào tạo liên thông đối với người lao động có hộ khẩu thường trú và đang công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Nam theo các cấp học, ngành học theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Quảng Nam có trách nhiệm tổ chức tuyển sinh theo đúng quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 02/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 12/01/2024 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Quảng Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực: TU, HĐND tỉnh;
- CT, Các PCT UBND tỉnh;
- Kho bạc NN tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Tuấn

Phụ lục

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH TRONG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: người

TT	Trình độ/ Ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024	
			Trình độ Cao đẳng	Trình độ Trung cấp
A	**Ngành, nghề: Nghệ thuật; Kiến trúc và xây dựng; Kỹ thuật; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Sản xuất và chế biến; Thú y; Du lịch, khách sạn.**			
I	**Trình độ Cao đẳng**		**165**	
1.	Công nghệ ô tô	6510216	30	
2.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	25	
3.	Điện công nghiệp	6520227	15	
4.	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.	6520205	15	
5.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	6510103	10	
6.	Công nghệ thông tin	6480201	15	
7.	Dịch vụ thú y	6640201	35	
8.	May thời trang	6540205	20	
II	**Trình độ trung cấp**			**1.255**
1.	Công nghệ ô tô	5510216		320
2.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5510201		20
3.	Công nghệ Hàn	5510217		40
4.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5510303		20
5.	Điện dân dụng	5520226		40
6.	Điện công nghiệp	5520227		70
7.	Điện tử công nghiệp	5520225		20
8.	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205		30
9.	Nghiệp vụ nhà hàng	5810206		30
10.	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207		100
11.	Kỹ thuật pha chế đồ uống	5810209		60
12.	Quản trị khách sạn	5810201		100
13.	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	5580202		20

TT	Trình độ/ Ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024	
			Trình độ Cao đẳng	Trình độ Trung cấp
14.	Mộc xây dựng và trang trí nội thất	5580210		20
15.	Tin học ứng dụng	5480205		35
16.	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207		15
17.	May thời trang	5540205		140
18.	Công nghệ may	5540204		50
19.	Du lịch lữ hành	5810101		60
20.	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102		15
21.	Hàn	5520123		50
B	**Ngành, nghề: Kinh doanh và quản lý; Pháp luật; Báo chí và Truyền thông; Nhân văn; Nông, lâm nghiệp và Thủy sản; Môi trường và Bảo vệ môi trường; Dịch vụ xã hội.**			
I	**Trình độ cao đẳng**		**85**	
1.	Kế toán	6340301	5	
2.	Quản trị kinh doanh	6340404	5	
3.	Lâm nghiệp	6620201	15	
4.	Quản lý đất đai	6850102	5	
5.	Chăn nuôi - Thú y	6620120	35	
6.	Dịch vụ pháp lý	6380201	10	
7.	Chăn nuôi	6620119	10	
II	**Trình độ trung cấp**			**245**
1.	Quản lý và kinh doanh du lịch	5340421		70
2.	Quản lý và kinh doanh khách sạn	5340422		20
3.	Kế toán doanh nghiệp	5340302		20
4.	Chăn nuôi - Thú y	5620120		80
5.	Lâm nghiệp	5620201		30
6.	Thú y	5640101		15
7.	Pháp luật	5380101		10